

Số: 23/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về việc thống nhất chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính
cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA MƯƠI BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp;

Căn cứ Thông báo số 1861-TB/TU ngày 21 tháng 4 năm 2025 Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang về Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025;

Xét Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; kết quả biểu quyết công khai của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025 tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Kiên Giang năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

1. Thành lập xã Vĩnh Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Bình Bắc, xã Vĩnh Bình Nam và xã Bình Minh thuộc huyện Vĩnh Thuận hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Bình có diện tích tự nhiên là 159,68 km² và quy mô dân số 43.575 người.

2. Thành lập xã Vĩnh Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Thuận và xã Tân Thuận thuộc huyện Vĩnh Thuận hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Thuận có diện tích tự nhiên là 95,46 km² và quy mô dân số 30.511 người.

3. Thành lập xã Vĩnh Phong trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Phong, xã Phong Đông và thị trấn Vĩnh Thuận thuộc huyện Vĩnh Thuận hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Phong có diện tích tự nhiên là 139,30 km² và quy mô dân số 43.257 người.

4. Thành lập xã Vĩnh Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thạnh Yên A, xã Hòa Chánh, xã Vĩnh Hòa và xã Thạnh Yên thuộc huyện U Minh Thượng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hòa có diện tích tự nhiên là 146,23 km² và quy mô dân số 51.651 người.

5. Thành lập xã U Minh Thượng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã An Minh Bắc và xã Minh Thuận thuộc huyện U Minh Thượng hiện nay. Sau khi thành lập, xã U Minh Thượng có diện tích tự nhiên là 286,47 km² và quy mô dân số 46.246 người.

6. Thành lập xã Đông Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đông Hòa và xã Đông Thạnh thuộc huyện An Minh hiện nay. Sau khi thành lập, xã Đông Hòa có diện tích tự nhiên là 151,88 km² và quy mô dân số 45.282 người.

7. Thành lập xã Tân Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thạnh và xã Thuận Hòa thuộc huyện An Minh hiện nay. Sau khi thành lập, xã Tân Thạnh có diện tích tự nhiên là 123,85 km² và quy mô dân số 36.074 người.

8. Thành lập xã Đông Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Đông Hưng A và xã Vân Khánh Đông thuộc huyện An Minh hiện nay. Sau khi thành lập, xã Đông Hưng có diện tích tự nhiên là 81,62 km² và quy mô dân số 22.281 người.

9. Thành lập xã An Minh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Thứ Mười Một, xã Đông Hưng và xã Đông Hưng B thuộc huyện An Minh hiện nay. Sau khi thành lập, xã An Minh có diện tích tự nhiên là 142,30 km² và quy mô dân số 35.596 người.

10. Thành lập xã Vân Khánh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vân Khánh và xã Vân Khánh Tây thuộc huyện An Minh hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vân Khánh có diện tích tự nhiên là 90,84 km² và quy mô dân số 21.748 người.

11. Thành lập xã Tây Yên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tây Yên, xã Tây Yên A và xã Nam Yên thuộc huyện An Biên hiện nay. Sau khi thành lập, xã Tây Yên có 127,50 km², quy mô dân số 52.590 người.

12. Thành lập xã Đông Thái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Nam Thái, xã Đông Thái và xã Nam Thái A thuộc huyện An Biên hiện nay. Sau khi thành lập, xã Đông Thái có diện tích tự nhiên là 154,52 km² và quy mô dân số 54.321 người.

13. Thành lập xã An Biên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số là của thị trấn Thới Ba, xã Đông Yên và xã Hưng Yên thuộc huyện An Biên hiện nay. Sau khi thành lập, xã An Biên có diện tích tự nhiên là 118,27 km² và quy mô dân số 53.784 người.

14. Thành lập xã Định Hòa trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thới Quản, xã Định Hòa và xã Thủy Liễu thuộc huyện Gò Quao hiện nay. Sau khi thành lập, xã Định Hòa có diện tích tự nhiên là 143,79 km² và quy mô dân số 56.675 người.

15. Thành lập xã Gò Quao trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Gò Quao, xã Vĩnh Phước B và xã Định An thuộc huyện Gò Quao hiện nay. Sau khi thành lập, xã Gò Quao có diện tích tự nhiên là 83,92 km² và quy mô dân số 44.695 người.

16. Thành lập xã Vĩnh Hòa Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc và xã Vĩnh Hòa Hưng Nam thuộc huyện Gò Quao hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Hòa Hưng có diện tích tự nhiên là 95,94 km² và quy mô dân số 37.528 người.

17. Thành lập xã Vĩnh Tuy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Thắng, xã Vĩnh Tuy và xã Vĩnh Phước A thuộc huyện Gò Quao hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Tuy có diện tích tự nhiên là 115,86 km² và quy mô dân số 36.859 người.

18. Thành lập xã Giồng Riềng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Giồng Riềng, xã Bàn Tân Định, xã Thạnh Hòa, xã Bàn Thạch và xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Giồng Riềng có diện tích tự nhiên là 122,10 km² và quy mô dân số 70.384 người.

19. Thành lập xã Thạnh Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thạnh Hưng, xã Thạnh Phước và xã Thạnh Lộc thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Thạnh Hưng có diện tích tự nhiên là 142,54 km² và quy mô dân số 46.773 người.

20. Thành lập xã Long Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Long Thạnh, xã Vĩnh Phú và xã Vĩnh Thạnh thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Long Thạnh có diện tích tự nhiên là 96,37 km² và quy mô dân số 42.250 người.

21. Thành lập xã Hòa Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hòa Lợi, xã Hòa Hưng và xã Hòa An thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Hòa Hưng có diện tích tự nhiên là 114,24 km² và quy mô dân số 37.877 người.

22. Thành lập xã Ngọc Chúc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Ngọc Chúc, xã Ngọc Thuận và xã Ngọc Thành thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Ngọc Chúc có diện tích tự nhiên là 90,25 km² và quy mô dân số 38.705 người.

23. Thành lập xã Hòa Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hòa Thuận và xã Ngọc Hòa thuộc huyện Giồng Riềng hiện nay. Sau khi thành lập, xã Hòa Thuận có diện tích tự nhiên là 73,85 km² và quy mô dân số 31.700 người.

24. Thành lập xã Tân Hội trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Thành, xã Tân Hội, xã Tân An và xã Tân Hòa thuộc huyện Tân Hiệp hiện nay. Sau khi thành lập, xã Tân Hội có diện tích tự nhiên là 146,28 km² và quy mô dân số 49.450 người.

25. Thành lập xã Tân Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Hiệp B, thị trấn Tân Hiệp, xã Thạnh Đông B và xã Thạnh Đông thuộc huyện Tân Hiệp hiện nay. Sau khi thành lập, xã Tân Hiệp có diện tích tự nhiên là 146,62 km² và quy mô dân số 66.731 người.

26. Thành lập xã Thạnh Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Hiệp A, xã Thạnh Đông A và xã Thạnh Trị thuộc huyện Tân Hiệp hiện nay. Sau khi thành lập, xã Thạnh Đông có diện tích tự nhiên là 130,02 km² và quy mô dân số 53.678 người.

27. Thành lập xã Thạnh Lộc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thạnh Lộc, xã Mong Thọ A, xã Mong Thọ và xã Mong Thọ B thuộc huyện Châu Thành hiện nay. Sau khi thành lập, xã Thạnh Lộc có diện tích tự nhiên là 104,62 km² và quy mô dân số 59.562 người.

28. Thành lập xã Châu Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Minh Lương, xã Minh Hòa và xã Giục Tượng thuộc huyện Châu Thành hiện nay. Sau khi thành lập, xã Châu Thành có diện tích tự nhiên là 107,64 km² và quy mô dân số 70.178 người.

29. Thành lập xã Bình An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình An, xã Vĩnh Hòa Hiệp và xã Vĩnh Hòa Phú thuộc huyện Châu Thành hiện nay. Sau khi thành lập, xã Bình An có diện tích tự nhiên là 73,43 km² và quy mô dân số 59.475 người.

30. Thành lập xã Hòn Đất trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Hòn Đất, xã Linh Huỳnh, xã Thổ Sơn và xã Nam Thái Sơn thuộc huyện Hòn Đất hiện nay. Sau khi thành lập, xã Hòn Đất có diện tích tự nhiên là 281,70 km² và quy mô dân số 61.517 người.

31. Thành lập xã Sơn Kiên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Kiên, xã Sơn Bình và xã Mỹ Thái thuộc huyện Hòn Đất hiện nay. Sau khi thành lập, xã Sơn Kiên có diện tích tự nhiên là 163,41 km² và quy mô dân số 29.682 người.

32. Thành lập xã Mỹ Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Sóc Sơn, xã Mỹ Hiệp Sơn, xã Mỹ Thuận và xã Mỹ Phước thuộc huyện Hòn Đất hiện nay. Sau khi thành lập, xã Mỹ Thuận có diện tích tự nhiên là 210,51 km² và quy mô dân số 60.747 người.

33. Sắp xếp, tổ chức lại xã Bình Giang trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình Giang thuộc huyện Hòn Đất hiện nay thành xã Bình Giang.

34. Sắp xếp, tổ chức lại xã Bình Sơn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Bình Sơn thuộc huyện Hòn Đất hiện nay thành xã Bình Sơn.

35. Thành lập xã Hòa Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hòa Điền và xã Kiên Bình thuộc huyện Kiên Lương hiện nay. Sau khi thành lập, xã Hòa Điền có diện tích tự nhiên là 285,38 km² và quy mô dân số 24.099 người.

36. Thành lập xã Kiên Lương trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thị trấn Kiên Lương, xã Bình An và xã Bình Trị thuộc huyện Kiên Lương hiện nay. Sau khi thành lập, xã Kiên Lương có diện tích tự nhiên là 138,07 km² và quy mô dân số 58.312 người.

37. Sắp xếp, tổ chức lại xã Hòn Nghệ trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hòn Nghệ thuộc huyện Kiên Lương thành xã Hòn Nghệ.

38. Sắp xếp, tổ chức lại xã Sơn Hải trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Sơn Hải thuộc huyện Kiên Lương hiện nay thành xã Sơn Hải.

39. Thành lập xã Giang Thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Khánh Hòa, xã Phú Lợi và xã Phú Mỹ thuộc huyện Giang Thành hiện nay. Sau khi thành lập, xã Giang Thành có diện tích tự nhiên là 184,14 km² và quy mô dân số 20.039 người.

40. Thành lập xã Vĩnh Điều trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vĩnh Điều và xã Vĩnh Phú thuộc huyện Giang Thành hiện nay. Sau khi thành lập, xã Vĩnh Điều có diện tích tự nhiên là 229,35 km² và quy mô dân số 17.526 người.

41. Thành lập phường Vĩnh Thông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Phi Thông, phường Vĩnh Thông thuộc thành phố Rạch Giá hiện nay và xã Mỹ Lâm thuộc huyện Hòn Đất hiện nay. Sau khi thành lập, phường Vĩnh Thông có diện tích tự nhiên là 95,90 km² và quy mô dân số 55.185 người.

42. Thành lập phường Rạch Giá trên cơ sở nhập 09 phường của thành phố Rạch Giá, gồm: toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Vĩnh Quang, phường Vĩnh Thanh, phường Vĩnh Thanh Vân, phường Vĩnh Lạc, phường An Hòa, phường Vĩnh Hiệp, phường An Bình, phường Rạch Sỏi và phường Vĩnh Lợi. Sau khi thành lập, phường Rạch Giá có diện tích tự nhiên là 45,52 km² và quy mô dân số 250.661 người.

43. Thành lập phường Hà Tiên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Pháo Đài, phường Bình San, phường Mỹ Đức và phường Đông Hồ thuộc thành phố Hà Tiên hiện nay. Sau khi thành lập, phường Hà Tiên có diện tích tự nhiên là 61,36 km² và quy mô dân số 40.609 người.

44. Thành lập phường Tô Châu trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Tô Châu, xã Thuận Yên và xã Dương Hòa thuộc thành phố Hà Tiên hiện nay. Sau khi thành lập, phường Tô Châu có diện tích tự nhiên là 79,77 km² và quy mô dân số 25.865 người.

45. Sắp xếp, tổ chức lại xã Tiên Hải thuộc thành phố Hà Tiên hiện nay thành xã Tiên Hải.

46. Thành lập đặc khu Kiên Hải trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của huyện Kiên Hải hiện nay. Sau khi thành lập, đặc khu Kiên Hải có diện tích tự nhiên là 24,75 km² và quy mô dân số 23.179 người.

47. Thành lập đặc khu Phú Quốc trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Dương Đông, phường An Thới, xã Dương Tơ, xã Hàm Ninh, xã Cửa Dương, xã Bãi Thơm, xã Gành Dầu và xã Cửa Cạn. Đồng thời, kết thúc hoạt động của 08 xã, phường: Dương Đông, An Thới, Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Bãi Thơm, Gành Dầu và Cửa Cạn thuộc thành phố Phú Quốc hiện nay. Sau khi thành lập, Đặc khu Phú Quốc có diện tích tự nhiên là 575,29 km² và quy mô dân số 157.629 người.

48. Thành lập đặc khu Thổ Châu trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Thổ Châu thuộc thành phố Phú Quốc hiện nay. Sau khi thành lập, đặc khu Thổ Châu có diện tích tự nhiên là 13,98 km² và quy mô dân số là 1.896 người.

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Kiên Giang có 48 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 41 xã, 04 phường và 03 đặc khu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết định này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp thứ Ba mươi ba thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký. *Kiểm*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Đăng công báo tỉnh;
- Trang thông tin điện tử;
- Văn phòng điện tử;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lâm Minh Thành